

Số: 108/2022/QĐST-HNGĐ

G, ngày 24 tháng 01 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN  
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G - THÀNH PHỐ H**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213, khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 58; Điều 110; Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về quy định mức thu, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ việc dân sự thụ lý số: 29/2022/HNST ngày 10 tháng 01 năm 2022, giữa:

Người yêu cầu :

-Chị Phạm Khoa T, sinh năm 1987

Địa chỉ : Số 8 ( Hộ ghép) đường số 13, phường 7, quận G, Thành phố H.

- Anh Đoàn Ngọc M, sinh năm 1982

Địa chỉ : Số 71 Bùi Quốc Khánh, tổ 2, khu phố 4, phường C, Thành phố D, tỉnh B.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 01 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

1.Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Khoa T và anh Đoàn Ngọc M thuận tình ly hôn.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 70 quyển số 01/2012 do Ủy ban nhân dân phường 7, quận G, Thành phố H cấp cho chị T và anh M vào ngày 03/5/2012 không còn hiệu lực).

2.Về con chung: Có 01 con chung tên Đoàn Minh Đ sinh ngày 21/12/2015. Chị T nuôi dưỡng con chung và anh M cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 91.920.000 ( *Chín mươi một triệu chín trăm hai mươi ngàn đồng*). Bắt đầu thực hiện từ tháng 02/2022 cho đến khi trẻ Đ tròn 18 tuổi.

3.Về tài sản chung: Chúng tôi tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết

4. Về nợ chung : Không có.

5. Về lệ phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng chị T và anh M phải nộp nhưng được khấu trừ vào biên lai đã nộp số AA/2021/0047523 ngày 10/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận G. Do đó chị T và anh M đã nộp đủ lệ phí hôn nhân.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Khoa T và anh Đoàn Ngọc M thuận tình ly hôn.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 70 quyển số 01/2012 do Ủy ban nhân dân phường 7, quận G, Thành phố H cấp cho chị T và anh M vào ngày 03/5/2012 không còn hiệu lực).

- Về con chung: Có 01 con chung tên Đoàn Minh Đ sinh ngày 21/12/2015. Chị T nuôi dưỡng con chung và anh M cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 91.920.000 ( *Chín mươi một triệu chín trăm hai mươi ngàn đồng*). Bắt đầu thực hiện từ tháng 02/2022 cho đến khi trẻ Đ tròn 18 tuổi.

Việc thi hành được thực hiện tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

- Kể từ ngày chị T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh M không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con như trên thì hàng tháng anh M còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Anh M có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai được cản trở quyền này của anh M .

Trên cơ sở lợi ích con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, hoặc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung : Chúng tôi tự thoả thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về nợ chung : Không có.

2. Về lệ phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng chị T và anh M phải nộp nhưng được khấu trừ vào biên lai đã nộp số AA/2021/0047523 ngày 10/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận G. Do đó chị T và anh M đã nộp đủ lệ phí hôn nhân.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận :**

- Đương sự;

**THẨM PHÁN**

-VKSND quận G;  
-UBND phường 07, quận G;  
-Lưu hồ sơ vụ án.

**(Đã ký, đóng dấu)**